

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Q
TỈNH B**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **675** /2020/HNGĐ - ST

Ngày 05 - 8 - 2020

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ung Quang Định

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trương Thị Thu Hiền

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hạnh là Thư ký Tòa án nhân dân Tp. Q, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Q tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Hoàng Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Tp. Q, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 226/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2020 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1969.

Địa chỉ: 338 Trần Hưng Đ, Tp. Q, tỉnh B.

- Bị đơn: Anh Đặng Hữu D, sinh năm 1963.

Địa chỉ: 338 Trần Hưng Đ, Tp. Q, tỉnh B.

(Chị P và anh D có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị P trình bày:

- Về hôn nhân: Chị với anh Đặng Hữu D quen nhau, tự nguyện cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, Tp. Q vào ngày 01/3/1989. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc bên nhà mẹ ruột của chị P. Đến đầu năm 2015 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh D ham chơi, thường xuyên

ăn nhậu, say về chửi và đánh chị thậm chí chửi cả cha mẹ chị P; đập đồ đồ dùng trong nhà. Chị nhiều lần nhắc nhở, động viên anh D thay đổi cách sống nhưng anh không nghe, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng lớn. Đến cuối năm 2015 vợ chồng sống ly thân. Hiện tại chị nhận thấy tình cảm, trách nhiệm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu ly hôn anh D.

- Về con chung: Quá trình chung sống, chị với anh D có 02 con chung là cháu Đặng Hữu P, sinh ngày 18/4/1990 (hiện cháu P đã trưởng thành, chị không yêu cầu Tòa giải quyết) và cháu Đặng Diệp Bích N, sinh ngày 06/9/2003. Sức khỏe các cháu bình thường, hiện đang ở với vợ chồng chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi cháu N và yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi cháu N 3.000.000đ/tháng cho đến khi cháu N trưởng thành.

- Về tài sản chung: Chị P không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại bản khai ngày 27/4/2020 và trong quá trình tố tụng bị đơn anh Đặng Hữu D trình bày:

- Về hôn nhân: Anh thống nhất về thời gian, điều kiện hai bên tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn như chị P trình bày. Theo anh nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly hôn là do thời gian gần đây do áp lực công việc anh hay đi nhậu, chị P hay cản nhắc việc này, vợ chồng có lời qua tiếng lại, lúc nóng anh có đánh chị P. Anh D biết lỗi nói chị P bỏ qua nhưng chị P vẫn kiên quyết đòi ly hôn. Nếu chị P đưa cho anh 05 cây vàng thì anh đồng ý ly hôn, ngược lại anh không đồng ý.

- Về con chung: Anh thống nhất như chị P trình bày, vợ chồng anh có 02 con chung là cháu Đặng Hữu P, sinh ngày 18/4/1990 (hiện cháu P đã trưởng thành, chị không yêu cầu Tòa giải quyết) và cháu Đặng Diệp Bích N, sinh ngày 06/9/2003. Khi ly hôn, anh đồng ý chị P được nuôi cháu N và anh đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu N 3.000.000đ/tháng cho đến khi cháu N trưởng thành.

- Về tài sản chung: Anh D không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị P xin ly hôn anh D.

- Về nuôi con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

+ Giao con chung cháu Đặng Diệp Bích N, sinh ngày 06/9/2003 cho chị Nguyễn Thị P trực tiếp nuôi dưỡng. Đối với cháu Đặng Hữu P, sinh ngày 18/4/1990 (hiện cháu P đã trưởng thành, chị P và anh D không yêu cầu giải quyết).

+ Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Đặng Hữu D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Đặng Diệp Bích N 3.000.000đ/tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu N thành niên (đủ 18 tuổi).

- Về tài sản chung: Chị P và anh D không yêu cầu nên Tòa không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị P có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Đặng Hữu D, trú tại: 338 Trần Hưng Đ, Tp. Q, tỉnh B. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Q.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị P xin ly hôn anh Đặng Hữu D, HĐXX nhận thấy:

Chị Nguyễn Thị P và anh Đặng Hữu D tự nguyện cưới và có đăng ký kết hôn ngày 01/3/1989 tại UBND phường Đ, Tp. Q nên hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu chung thủy, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Tuy nhiên, quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do anh D ham chơi, thường xuyên ăn nhậu, say về chửi và đánh chị, thậm chí có những lời lẽ xúc phạm cha mẹ chị P; đập đồ đồ dùng trong nhà. Từ cuối năm 2015 cho đến nay tuy vợ chồng sống chung một nhà nhưng không ai quan tâm đến ai, mỗi người tự lo cuộc sống riêng. Về phía anh D khai nhận, trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn và thời gian gần đây do áp lực công việc anh hay đi nhậu, chị P hay cản nhần việc này, vợ chồng có lời qua tiếng lại, lúc nóng anh có đánh chị P. Tại phiên tòa, anh D biết lỗi và nói chị P bỏ qua nhưng chị P vẫn kiên quyết đòi ly hôn. Anh D yêu cầu chị P phải đưa cho anh 05 cây vàng thì anh đồng ý ly hôn nếu không thì anh không đồng ý.

Xét thấy, lý do anh D không đồng ý ly hôn không phải anh còn tình cảm với chị P mà vì mục đích yêu cầu chị P phải đưa cho anh 05 cây vàng thì anh đồng ý ly hôn. Nhận thấy, tình cảm giữa chị P và anh D thực sự không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, khả năng hàn gắn là không được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị P.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị P và anh D có 02 con chung là cháu Đặng Hữu P, sinh ngày 18/4/1990 và cháu Đặng Diệp Bích N, sinh ngày 06/9/2003. Sức khỏe các cháu bình thường. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi cháu N và yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ cho đến khi cháu N

trưởng thành. Đối với cháu Đặng Hữu P, sinh năm 1990 hiện cháu P đã trưởng thành nên chị P và anh D không yêu cầu Tòa không giải quyết.

HĐXX xét thấy: Tại biên bản hòa giải ngày 15/7/2020, chị P và anh D thống nhất thỏa thuận chị P được trực tiếp nuôi cháu Đặng Diệp Bích N, đồng thời cháu N có nguyện vọng muốn ở với mẹ; anh D có nghĩa vụ cấp cấp dưỡng nuôi cháu N 3.000.000đ/tháng cho đến khi cháu N trưởng thành. Tại phiên tòa, chị P và anh D thống nhất thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu N thành niên (đủ 18 tuổi). Do đó, việc thỏa thuận nuôi con và cấp dưỡng nuôi con giữa chị P và anh D là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình nên HĐXX công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[2.3] Về tài sản chung: Chị P và anh D không yêu cầu Tòa giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị P phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; anh D phải chịu 150.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

[4] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Tòa nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị P được ly hôn anh Đặng Hữu D.
2. Về nuôi con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Nguyễn Thị P và anh Đặng Hữu D:

2.1. Giao con chung Đặng Diệp Bích N, sinh ngày 06/9/2003 cho chị Nguyễn Thị P trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Công nhận sự thỏa thuận giữa chị P và anh D:

Anh Đặng Hữu D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Đặng Diệp Bích N 3.000.000đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu N thành niên (đủ 18 tuổi).

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được ngăn cản. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con khi cần thiết hai bên đều có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị P và anh Đặng Hữu D không yêu cầu, Tòa không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị P phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007720 ngày 26/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Q (chị P đã nộp xong). Anh Đặng Hữu D phải nộp 150.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Tp. Q;
- Chi cục THADS Tp. Q;
- UBND P. Đ, Tp. Q;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ung Quang Định

